TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 29/2023/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Ngọc T.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Ông Hoàng Thanh P - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 về việc:*"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 63/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990
ĐKHKTT: xóm Xướng C, xã H, huyện K, tỉnh Đ.
Hiện nay đang ở Đài Loan.
- Anh Vũ Tiến B, sinh năm 1988
ĐKHKTT: xóm Xướng C, xã H, huyện K, tỉnh Đ.
Hiện đang làm việc tại: Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ Nông Trang.
Địa chỉ: số 438 Nguyễn Tất Thành, khu 9, phường Nông T, thành phố V, tỉnh A.

(Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 02/8/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Hải

Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2014 Chị M đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, từ đó giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Vũ Anh Q, sinh ngày 11/8/2012. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Vũ Anh Q cho anh Vũ Tiến B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung anh chị sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định: anh Vũ Tiến B tự nguyện xin chịu toàn bộ.

Chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Viện kiểm sát đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B; Về con chung: giao cháu Vũ Anh Q, sinh ngày 11/8/2012 cho anh Vũ Tiến B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị sẽ tự thỏa thuận; Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp: không đặt ra xem xét, giải quyết; Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định: ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ của anh Vũ Tiến B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn vì bất đồng

quan điểm sống, sống xa nhau thời gian dài. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc anh chị thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện chị Nguyễn Thị M hiện nay đang ở nước ngoài. Tại văn bản số 8572/QLXNC-P5 ngày 17/4/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an đã cung cấp thông tin: *"Nguyễn Thị M, sinh ngày 10/5/1990, đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 02/12/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*". Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của anh Vũ Tiến B đối với các Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Đơn xin giải quyết vắng mặt, Bản tự khai của chị Nguyễn Thị M gửi từ nước ngoài về Việt Nam. Tòa án nhân dân tỉnh A đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A tiến hành giám định đối với chữ ký và chữ viết của chị Nguyễn Thị M trong các văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 760/KL-KTHS ngày 07/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận: "*Chữ ký dạng chữ viết "Minh" và các chữ "Nguyễn Thị M"dưới mục "Họ và tên vợ; Người làm đơn; Người khai" trên "Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Đơn xin giải quyết vắng mặt; Bản tự khai" (mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với chữ ký dạng chữ viết "Minh" và các chữ "Nguyễn Thị M"dưới mục "Vợ" trên "Giấy chứng nhận kết hôn" (mẫu so sánh ký hiệu M)* ***là do cùng một người ký và viết ra***". Từ đó, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc chị Nguyễn Thị M thuận tình ly hôn với anh Vũ Tiến B là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B có 01 con chung là cháu Vũ Anh Q, sinh ngày 11/8/2012. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Q cho anh Vũ Tiến B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị sẽ tự thỏa thuận. Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Q thể hiện cháu có mong muốn được ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy, thỏa thuận của anh Vũ Tiến B và chị Nguyễn Thị M phù hợp với nguyện vọng của cháu Q và phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung, công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định: chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định của anh Vũ Tiến B.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B. Giao cháu Vũ Anh Q, sinh ngày 11/8/2012 cho anh Vũ Tiến B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B tự thỏa thuận.

Chị Nguyễn Thị M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung, công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị M và anh Vũ Tiến Bxác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự và chi phí giám định.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Công nhận anh Vũ Tiến B tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận anh Vũ Tiến B đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000521 ngày 23/5/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

- Về chi phí giám định: Công nhận anh Vũ Tiến B tự nguyện chịu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) tiền chi phí giám định. Xác nhận anh Vũ Tiến B đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Ngọc T